TRƯỜNG TH VÀ THCS SÔNG KHOAI

Số: 15/QĐCK- TH&THCSSK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sông khoai, ngày 10 tháng 2 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai quyết toán ngân sách năm 2022

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 sửa đổi, bổ sung Thông tư 61/2017/TT-BTC công khai ngân sách

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2022

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) kế toán và các cá nhân, bộ phận có liên quan căn cứ thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ban giám hiệu
- Kế toán
- GV, NV nhà trường
- Lưu :VT,

HIỆU TRƯỞNG

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO T.X QUẢNG YÊN QUẢNG NINH
TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ SÔNG KHOAI

Nguyễn Thành Hưng

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường TH & THCS Sông Khoai

Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sông Khoai, ngày 10 tháng 2 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường TH và THCS Sông Khoai công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2022 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý năm 2022	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (năm 2021) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí**				
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**				
1	***Chi sự nghiệp giáo dục***				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	***Chi quản lý hành chính***				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**5.651**	**5733,851**	**101**	**201**
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**5.651**	**5733,851**	**101**	**201**
1	**Chi quản lý hành chính**				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				

2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**5.651**	**5.733,851**	**101**	**201**
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	**5.297**	**5.395,651**	**102**	**201**
	-Mục 6000 - Tiền lương	2.196	2372,000	108	
	-Mục 6050 - Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	10		0	
	-Mục 6100 - Phụ cấp lương	1.040	1142,000	110	
	-Mục 6250 - Phúc lợi tập thể	8	2,974	37	
	-Mục 6300 - Các khoản đóng góp	600	650,512	108	
	-Mục 6400 - Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	150	140,000	93	
	-Mục 6500 - Thanh toán dịch vụ công cộng	50	52,664	105	5648
	-Mục 6550 - Vật tư văn phòng	190	184,622	97	
	-Mục 6600 - Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	25	23,969	96	
	-Mục 6650 - Hội nghị	15	14,300	95	
	-Mục 6700 - Công tác phí	80	48,265		
	-Mục 6750 - Chi phí thuê mướn	145	203,098	140	
	-Mục 6900 - Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	300	241,562	81	
	-Mục 6950 - Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	88	37,000	42	
	-Mục 7000 - Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	250	195,685	78	
	-Mục 7750 - Chi khác	150	87,000	58	
3.2	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**	**354**	**338**		
	-Mục 6100 - Phụ cấp lương	293	***181***		
	-Mục 6150 - Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học	36	***31***		
	-Mục 6400- Các khoản thanh toán cá nhân khác	25	***14,9***		
	-Mục 6750- Chi phí thuê mướn				
	-Mục 6900- Sửa chữa TS				
	-Mục 7000 - Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành				
	-Mục 7050 - Mua sắm tài sản vô hình				
...	-Mục 7750 - Chi khác		*111,3*		

Ngày 10 tháng 2 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)

TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ TRUNG HỌC CƠ SỞ SÔNG KHOAI

Nguyễn Thành Hưng